

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Số: 42/2025/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 56/2025/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 8 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh T – sinh ngày 24/02/2003, số định danh cá nhân: 054303008044, nơi thường trú: thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là thôn T, xã S, tỉnh Đắk Lắk).

Bị đơn: Anh Đỗ Duy H – sinh ngày 05/5/1991, số định danh cá nhân: 054091003650, nơi thường trú: T, A, T, Phú Yên (nay là T, Tuy A, Đắk Lắk).

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Thanh T với anh Đỗ Duy H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Lê Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng Đỗ Nam D – sinh ngày 24/10/2023. Anh Đỗ Duy H cấp dưỡng nuôi con Đỗ Nam D – sinh ngày 24/10/2023 số tiền 3.000.000đ/tháng (ba triệu đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/9/2025.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Đỗ Duy H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Lê Thị Thanh T, anh Đỗ Duy H có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị Thanh T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng, được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 5872 ngày 07/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án dân sự;
- UBND xã Tuy An Tây,
tỉnh Đắk Lắk (ĐKKH số 20 ngày 06/6/2023
tại UBND xã An Nghiệp, huyện Tuy An);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, tt.

THẨM PHÁN

Phạm Việt Triều